

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/ HNGĐ - ST
Ngày: 04/6/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Lê Đức Dũng
 2. Bà Phạm Ngọc Nhung
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà – kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 69/2024/TLST–HNGĐ ngày 28/02/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đinh Văn T** - Sinh năm 1975
- Bị đơn: chị **Lâm Thị Mỹ D** - Sinh năm 1984
- Cùng địa chỉ: **Tổ G, ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.**
- Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh **Đinh Văn T** trình bày:
Về quan hệ hôn nhân: anh và chị **Lâm Thị Mỹ D** tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2021 tại **UBND xã X** theo giấy chứng nhận kết hôn số 67/2021 ngày 11/11/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn từ những vấn đề trong cuộc sống, chị **D** nhiều lần quấy phá việc làm ăn của anh, thậm chí mâu thuẫn tới mức bạo lực. Vợ chồng đã sống ly thân đến nay khoảng 08 tháng. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị **Lâm Thị Mỹ D**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: **Đinh Kim Bảo N**, sinh ngày 20/11/2022. Khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Bảo N** và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị **Lâm Thị Mỹ D** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng chị **D** vắng mặt nên không có lời khai.

* Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho anh **Đình Văn T** ly hôn chị **Lâm Thị Mỹ D**; về con chung: giao cháu **Bảo N** cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời chị **D** không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: không xem xét; anh **T** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: anh **Đình Văn T** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết vấn đề con chung với chị **Lâm Thị Mỹ D** và chị **D** hiện đăng ký thường trú tại **xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai**. Như vậy, đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: anh **T** có đơn yêu cầu ly hôn chị **D** nên anh **T** là nguyên đơn, chị **D** là bị đơn trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **T** là phù hợp. Bị đơn chị **Lâm Thị Mỹ D** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự phiên toà đến lần thứ hai nhưng chị **D** vắng mặt do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **D** là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh **T** và chị **D** kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Anh **T** yêu cầu ly hôn với chị **D** vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn từ những vấn đề trong cuộc sống, chị **D** nhiều lần quấy phá việc làm ăn của anh, thậm chí mâu thuẫn tới mức bạo lực. Vợ chồng đã sống ly thân đến nay khoảng 08 tháng. Chị **D** vắng mặt nên không có ý kiến về quan hệ hôn nhân, chị **D** đã được Tòa án triệu tập đến để giải quyết vụ án nhưng chị **D** vắng mặt không có ý kiến cho thấy chị **D** không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, theo đó căn cứ khoản 2 Điều 90 Bộ luật Tố tụng dân sự chị **D** không có ý kiến gì với trình bày của anh **T** là trình bày của anh **T** có cơ sở chấp nhận. Từ đó nhận thấy cho tình trạng hôn nhân của anh chị đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **T**.

[5] Về con chung: anh **T** yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Bảo N** và chị **D** vắng mặt nên không có ý kiến về con chung. Tuy nhiên, cháu **Bảo N** hiện đang sống với anh **T** nên giao cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **T** không yêu cầu và chị **D** không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời chị **D** không cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: anh **T** khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: anh **T** khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: anh **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Đình Văn T**

1. Cho anh **Đình Văn T** được ly hôn chị **Lâm Thị Mỹ D**.

2. Về con chung: Giao cháu **Đình Kim Bảo N**, sinh ngày 20/11/2022 cho anh **Đình Văn T** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời chị **D** không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị **D** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: anh **T** khai không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: anh **T** khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: anh **T** phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí LHST nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà anh **T** đã nộp tại biên lai số 0011948 ngày 26/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Anh **T** đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Tây;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Trung